

Số: **2365/QĐ-UBND**

Hoà Bình, ngày **30** tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả đánh giá, chấm điểm xếp hạng
và cấp giấy chứng nhận sản phẩm tham gia Chương trình Mỗi xã
một sản phẩm tỉnh Hòa Bình năm 2019 (đợt 1)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020;

Căn cứ Quyết định số 1048/QĐ-TTg ngày 21/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ Tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình Mỗi xã một sản phẩm;

Căn cứ Quyết định số 878/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh, về việc phê duyệt Đề án Chương trình Mỗi xã một phẩm (OCOP) giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2030 tỉnh Hòa Bình; Kế hoạch số 125/KH-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh, về việc Triển khai thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Hòa Bình, giai đoạn 2018-2020;

Căn cứ Quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình, về việc Thành lập Hội đồng và Tổ giúp việc đánh giá, phân hạng sản phẩm thuộc Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2019-2020,

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 806/TTr-SNN ngày 24/10/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả đánh giá, chấm điểm xếp hạng và cấp giấy chứng nhận sản phẩm tham gia Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Hòa Bình năm 2019, với nội dung như sau:

1. Kết quả đánh giá, chấm điểm 30 sản phẩm của 24 chủ thể (Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất) tham gia đánh giá sản phẩm OCOP tỉnh Hòa Bình năm 2019.

(Có danh sách chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo).

2. Xếp hạng: 24 sản phẩm của 18 chủ thể (Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất) đã được Hội đồng đánh giá, phân hạng chấm đạt từ 50 điểm trở lên, bao gồm:

a) Sản phẩm đạt hạng 4 sao (****): 08 sản phẩm.

b) Sản phẩm đạt hạng 3 sao (***): 16 sản phẩm.

(Có danh sách chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo).

3. Sản phẩm đạt các hạng sao nêu tại Khoản 2 Điều này được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận, được sử dụng nhãn hiệu OCOP và thứ hạng sao đạt được in trên bao bì sản phẩm theo quy định.

4. Kết quả xếp hạng có giá trị trong 36 tháng kể từ ngày ban hành Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cơ quan thường trực Chương trình OCOP tỉnh), có trách nhiệm tham mưu tổ chức công bố công khai sản phẩm được xếp hạng; hướng dẫn UBND cấp huyện, thành phố, các chủ thể sản xuất thực hiện việc sử dụng và in nhãn hiệu OCOP, thứ hạng sao lên bao bì sản phẩm được công nhận theo quy định; kiểm tra định kỳ các sản phẩm; đề xuất xử lý các hành vi vi phạm về tiêu chuẩn xếp hạng sản phẩm và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Các Sở, Ban, ngành có liên quan

- Theo chức năng, nhiệm vụ của ngành phụ trách, hướng dẫn, hỗ trợ Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các chủ thể sản xuất sản phẩm OCOP tham gia xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu thị trường để đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm OCOP.

- Tiếp tục hỗ trợ các chủ thể chuẩn hóa các sản phẩm OCOP đã được công nhận để nâng cấp sản phẩm đạt thứ hạng sao cao hơn của tỉnh và của Quốc gia.

3. Các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất có sản phẩm được công nhận tại Quyết định này có trách nhiệm hoàn thiện sản phẩm đảm bảo chất lượng theo quy định của Chương trình OCOP.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất có tên tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Điều phối NTM TW;
- TT Tỉnh ủy,
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó Chánh VPUBND tỉnh;
- VP Điều phối NTM tỉnh;
- Lưu: VT, NNTN (Đg)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Dũng

**PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM SẢN PHẨM THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH
MÔI XÃ MỘT SẢN PHẨM (OCOP) TỈNH HÒA BÌNH NĂM 2019 (đợt 1)**

(Kèm theo Quyết định số 2365/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

| STT | TÊN SẢN PHẨM | CHỦ THỂ | ĐIỂM TRUNG BÌNH | GHI CHÚ |
|-----------|--------------------------------------|---|-----------------|---------|
| I | NGÀNH THỰC PHẨM (22 sản phẩm) | | | |
| 1 | Rau Mồng tơi hữu cơ Đồng Suong | HTX Nông sản hữu cơ Đồng Suong, xã Thành Lập, huyện Lương Sơn | 45,50 | |
| 2 | Rau Su su Quyết Chiến | HTX Rau an toàn Quyết Chiến, xóm Biêng, xã Quyết Chiến, huyện Tân Lạc | 46,00 | |
| 3 | Bưởi đỏ Giang Lộc | HTX sản xuất, chế biến và tiêu thụ Bưởi đỏ Tân Lạc, Khu 3, thị trấn Mường Khến, huyện Tân Lạc | 57,13 | |
| 4 | Bưởi Diễn Tân Thành | HTX Nông nghiệp Tân Thành, xóm Tân Thành, xã Tân Thành, huyện Lương Sơn | 53,13 | |
| 5 | Bưởi hữu cơ | Nông trại hữu cơ Linh Dũng, thôn Đồng Ngoài, xã Vĩnh Tiến, huyện Kim Bôi | 53,88 | |
| 6 | Cam quả tâng cao cấp 3T farm | HTX 3T nông sản Cao Phong, Khu 1, thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong | 57,88 | |
| 7 | Cam trứng | Hộ Kinh doanh Vũ Duy Tân, thôn Đồng Đuống, xã Liên Hòa, huyện Lạc Thủy | 54,75 | |
| 8 | Cam quả | HTX Hà Phong, xã Bắc Phong, huyện Cao Phong | 70,63 | |
| 9 | Chuối Viba | HTX Chuối Viba, xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn | 61,75 | |
| 10 | Thịt gà thả vườn Thuận Phát | HTX Nông nghiệp và Dịch vụ Thuận Phát, xã Thành Lập, huyện Lương Sơn | 50,88 | |
| 11 | Gà tươi nguyên con | HTX Chăn nuôi Gà Lạc Thủy, xã An Bình, huyện Lạc Thủy | 71,38 | |
| 12 | Hộp mật ong ba hũ du lịch cao cấp | HTX Nuôi ong Văn Tiến, xã Văn Tiến, xã Dân Hạ, huyện Kỳ Sơn | 37,63 | |
| 13 | Miến Dong Chiến Thọ | Hộ Kinh doanh Đỗ Quang Chiến, xóm Bu Chằm, xã Phú Minh, huyện Kỳ Sơn | 63,38 | |
| 14 | Mứt Cam | HTX Hà Phong, xã Bắc Phong, huyện Cao Phong | 63,38 | |
| 15 | Mứt sấy hữu cơ | Nông trại hữu cơ Linh Dũng, Thôn Đồng Ngoài, xã Vĩnh Tiến, huyện Kim Bôi | 51,38 | |
| 16 | Chanh đào hữu cơ mật ong | Nông trại hữu cơ Linh Dũng, thôn Đồng Ngoài, xã Vĩnh Tiến, huyện Kim Bôi | 50,63 | |
| 17 | Cá Lăng đen Sông Đà FILLEL | Công ty TNHH XD và dịch vụ Cường Thịnh, thành phố Hòa Bình | 72,00 | |
| 18 | Cá rô phi Sông Đà FILLEL | Công ty TNHH XD và dịch vụ Cường Thịnh, thành phố Hòa Bình | 71,50 | |
| 19 | Chè Shan Tuyết Pà Cò | Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh giống cây trồng Phương Huyền, Tổ 17, phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình | 71,25 | |
| 20 | Trà túi lọc Xạ mộc Hương | HTX dịch vụ Nông nghiệp Thượng Bi, xóm Khoai, xã Thượng Bi, huyện Kim Bôi | 50,25 | |
| 21 | Trà Giáo cổ lam | HTX Tân Lạc Sơn, xóm Bảo, xã Thanh Hải, huyện Tân Lạc | 42,63 | |
| 22 | Trà Shacha Inchi | Công ty Cổ phần Inca Việt Nam, tổ 24, phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình | 72,25 | |
| II | NGÀNH ĐỒ UỐNG (05 sản phẩm) | | | |

| STT | TÊN SẢN PHẨM | CHỦ THỂ | ĐIỂM TRUNG BÌNH | GHI CHÚ |
|--|--------------------------------|---|-----------------|---------|
| 23 | Rượu Lầu Siêu | Hộ kinh doanh Vĩ Thị Tôn, xóm Chiềng Hạ, xã Mai Hạ, huyện Mai Châu | 53,38 | |
| 24 | Rượu Cổ truyền Dù Đìn | Hộ kinh doanh Bùi Văn Vinh, xóm Đình, xã Phú Lai, huyện Yên Thủy | 46,88 | |
| 25 | Nước uống đóng bình, đóng chai | Cơ sở sản xuất nước uống đóng chai, đóng bình Mường Đông, xóm Dành, xã Đông Bắc, huyện Kim Bôi | 53,13 | |
| 26 | Nước cốt Cam | HTX Hà Phong, xã Bắc Phong, huyện Cao Phong HTX Hà Phong, xã Bắc Phong, huyện Cao Phong | 62,00 | |
| 27 | Nước Cam tươi lên men | HTX Hà Phong, xã Bắc Phong, huyện Cao Phong | 70,25 | |
| III NGÀNH THẢO DƯỢC (02 sản phẩm) | | | | |
| 28 | Cao Xạ đen Tuyệt Nhi | Cơ sở sản xuất và kinh doanh Cao Xạ đen Tuyệt Nhi, thôn Đông Bon, xã Cao Dương, huyện Lương Sơn | 45,00 | |
| 29 | Cao Cà gai leo Yên Thủy | HTX Nông - lâm nghiệp Bảo Hiệu, xóm Dằm, xã Bảo Hiệu, huyện Yên Thủy | 64,75 | |
| IV NGÀNH VẢI, MAY MẶC (01 sản phẩm) | | | | |
| 30 | Thỏ cảm dẹt tay | HTX Dẹt thỏ cảm và dịch vụ Du lịch Bàn Lắc Mai Châu, xã Chiềng Châu, huyện Mai Châu | 70,50 | |
| TỔNG CỘNG: 30 SẢN PHẨM, CỬA 24 CHỦ THỂ (Doanh nghiệp, HTX, hộ sản xuất) | | | | |

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

DANH SÁCH

XẾP HẠNG SẢN PHẨM THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MÔI XÃ MỘT SẢN PHẨM (OCOP) TỈNH HÒA BÌNH NĂM 2019 (đợt 1)
(Kèm theo Quyết định số **2365**QĐ-UBND ngày **30** tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

| STT | TÊN SẢN PHẨM | CHỦ THỂ SẢN XUẤT VÀ ĐỊA CHỈ | ĐIỂM ĐẠT ĐƯỢC | XẾP HẠNG SAO | GHI CHÚ |
|-----------|--|---|---------------|--------------|---------|
| I | SẢN PHẨM XẾP HẠNG 4 SAO (8 sản phẩm) | | | | |
| 1 | Gà tươi nguyên con | HTX Chăn nuôi Gà Lạc Thủy, xã An Bình, huyện Lạc Thủy | 71,00 | 4 | |
| 2 | Cá Lăng đen Sông Đà FILLEL | Công ty TNHH XD và dịch vụ Cường Thịnh, thành phố Hòa Bình | 72,00 | 4 | |
| 3 | Cá rô phi Sông Đà FILLEL | Công ty TNHH XD và dịch vụ Cường Thịnh, thành phố Hòa Bình | 72,00 | 4 | |
| 4 | Chè Shan Tuyết Pà Cò | Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh giống cây trồng Phương Huyền, Tổ 17, phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình | 71,00 | 4 | |
| 5 | Trà Shacha Inchi | Công ty Cổ phần Inca Việt Nam, tổ 24, phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình | 72,00 | 4 | |
| 6 | Thỏ cẩm dệt tay | HTX Dệt thổ cẩm và dịch vụ Du lịch Bản Lác Mai Châu, xã Chiềng Châu, huyện Mai Châu | 70,00 | 4 | |
| 7 | Nước Cam tươi lên men | HTX Hà Phong, xã Bắc Phong, huyện Cao Phong | 71,00 | 4 | |
| 8 | Cam quả | HTX Hà Phong, xã Bắc Phong, huyện Cao Phong | 71,00 | 4 | |
| II | CÁC SẢN PHẨM XẾP HẠNG 3 SAO (16 sản phẩm) | | | | |
| 1 | Bưởi đỏ Giang Lộc | HTX sản xuất, chế biến và tiêu thụ Bưởi đỏ Tân Lạc, Khu 3, thị trấn Mường Khén, huyện Tân Lạc | 57,00 | 3 | |
| 2 | Bưởi Diễn Tân Thành | HTX Nông nghiệp Tân Thành, xóm Tân Thành, xã Tân Thành, huyện Lương Sơn | 53,00 | 3 | |
| 3 | Bưởi hữu cơ | Nông trại hữu cơ Linh Dũng, thôn Đồng Ngoài, xã Vĩnh Tiến, huyện Kim Bôi | 53,00 | 3 | |
| 4 | Cam quả tặng cao cấp 3T farm | HTX 3T nông sản Cao Phong, khu 1, thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong | 57,00 | 3 | |
| 5 | Cam trứng | Hộ Kinh doanh Vũ Duy Tân, thôn Đồng Đuống, xã Liên Hòa, huyện Lạc Thủy | 55,00 | 3 | |
| 6 | Chuối Viba | HTX Chuối Viba, xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn | 62,00 | 3 | |
| 7 | Thịt gà thả vườn Thuận Phát | HTX Nông nghiệp và Dịch vụ Thuận Phát, xã Thành Lập, huyện Lương Sơn | 51,00 | 3 | |

| STT | TÊN SẢN PHẨM | CHỦ THỂ SẢN XUẤT VÀ ĐỊA CHỈ | ĐIỂM ĐẠT ĐƯỢC | XẾP HẠNG SAO | GHI CHÚ |
|--------------------------------|---|--|--|--------------|---------|
| 8 | Miến Dong Chiến Thọ | Hộ Kinh doanh Đỗ Quang Chiến, xóm Bu Chằm, xã Phú Minh, huyện Kỳ Sơn | 63,00 | 3 | |
| 9 | Mứt Cam | HTX Hà Phong, xã Bắc Phong, huyện Cao Phong | 63,00 | 3 | |
| 10 | Mứt sấy hữu cơ | Nông trại hữu cơ Linh Dũng, thôn Đồng Ngoại, xã Vĩnh Tiến, huyện Kim Bôi | 51,00 | 3 | |
| 11 | Chanh đào hữu cơ mật ong | Nông trại hữu cơ Linh Dũng, thôn Đồng Ngoại, xã Vĩnh Tiến, huyện Kim Bôi | 51,00 | 3 | |
| 12 | Trà túi lọc Xạ mộc Hương | HTX dịch vụ Nông nghiệp Thương Bị, xóm Khoai, xã Thượng Bị, huyện Kim Bôi | 50,00 | 3 | |
| 13 | Rượu Lẩu Siêu | Hộ kinh doanh Vì Thị Tôn, xóm Chiềng Hạ, xã Mai Hạ, huyện Mai Châu | 53,00 | 3 | |
| 14 | Nước uống đông bình, đóng chai Mường Đông | Cơ sở sản xuất nước uống đông bình, đóng bình Mường Đông, xóm Dành, xã Đông Bắc, huyện Kim Bôi | 53,00 | 3 | |
| 15 | Nước cốt Cam | HTX Hà Phong, xã Bắc Phong, huyện Cao Phong | 62,00 | 3 | |
| 16 | Cao Cà gai leo Yên Thủy | HTX Nông - lâm nghiệp Bảo Hiệu, xóm Dằm, xã Bảo Hiệu, huyện Yên Thủy | 65,00 | 3 | |
| Tổng cộng: 24 sản phẩm; | | | 18 chủ thể (Doanh nghiệp, HTX, hộ sản xuất) | | |
| | | | (Điểm được làm tròn) | | |

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH